

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2020/HS-ST
Ngày 18 – 6 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Ngọc Thảo

2. Ông Nguyễn Lập Tiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hoàn Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 158/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Y L**; Sinh năm 1994; Tại: Tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Buôn J, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ê đê; Tôn giáo: Tin lành; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Y N (Đã chết); Con bà H' I, sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không;

Tiền án 01: Ngày 07/8/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 12 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 194/2018/HS-ST. Ngày 09/4/2019 chấp hành xong hình phạt.

Nhân thân: Ngày 18/3/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố B ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng, tại Quyết định số 70/2016/QĐ-TA. Ngày 29/7/2017 chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/3/2020 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Lê Quang T, sinh năm 1957, vắng mặt.

Trú tại: xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Hà Thị T1, sinh năm 1979, vắng mặt.

Trú tại: xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Y U, sinh năm 1993, vắng mặt.

Trú tại: Buôn J, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969, có mặt.

Trú tại: Buôn J, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà H N, sinh năm 1987, vắng mặt.

Trú tại: Buôn J, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người làm chứng: Ông Đoàn Văn N, sinh năm 1970, vắng mặt.

Trú tại: Buôn J, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Y L là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, mới chấp hành án phạt tù, về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, nay tiếp tục đi trộm cắp để lấy tiền mua ma túy và tiêu xài, cụ thể như sau.

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 07/11/2019, Y L lấy 01 bao tải màu xanh ở nhà rồi rủ Y U (Sinh năm 1993, trú tại Buôn J, xã E, thành phố B) đi bộ đến Trạm cây giống, thuộc xã E, thành phố B. Khi đi đến nơi, thấy cổng khóa, nên cả hai đi bộ theo đường bê tông vào bên trong, đến rẫy cà phê của ông Lê Quang T (Sinh năm 1957, trú tại thôn 4, xã E, thành phố B), cả hai quan sát không thấy có người trông coi, Y L và Y U lén lút đi vào hái đầy bao cà phê rồi buộc lại để lại rẫy của ông T rồi đi bộ về nhà tìm xe chở đi tiêu thụ. Cả hai đi đến nhà anh Y S (Sinh năm 1988, trú tại Buôn J, xã E, thành phố B), Y U đi vào nhà hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu đỏ đen, không rõ biển số để đi chơi, thì anh Y S đồng ý. Sau đó, Y U điều khiển xe mô tô chở Y L ngồi sau quay trở lại khu vực rẫy của ông T, lấy bao cà phê quả tươi chở đến tiệm tạp hóa và thu mua nông sản của bà Nguyễn Thị N (Sinh năm 1969), tại Buôn J, xã E, thành phố B để bán. Tại đây, bà N hỏi về nguồn gốc tài sản, thì Y L nói dối là cà phê của nhà

nên bà N đồng ý mua với giá 5.000 đồng/01kg cà phê tươi, rồi bê lên cân được 48Kg, bán được số tiền 240.000 đồng. Sau đó, cả hai đem xe mô tô trả lại cho anh Y S rồi cùng nhau tiêu xài hết số tiền trên. Sau khi mua được cà phê, bà N đem bao cà phê trên trộn chung với những bao cà phê mua của các hộ dân trước đó, phơi khô rồi bán lại cho đại lý khác, chiếc bao tải đựng cà phê bà N đã vứt bỏ, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 02/3/2020, Y L đi bộ đến khu vực rẫy tại xã E, thành phố B, của chị Hà Thị T1 (Sinh năm 1979) thì thấy cạnh gốc cây bơ của rẫy chị T1 có dựng 01 xe Mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu đỏ đen, biển số 47B1-407.14, cốp xe để lộ ra 01 chiếc túi vải màu đỏ, có gắn sợi dây màu đen. Quan sát thấy chị T1 đang hái tiêu cách xa khu vực để xe, Y L lén lút đi đến phía bên trái của xe, dùng chân đạp vào chỗ để chân phía trước làm điểm tựa, dùng hai tay kéo yên xe mô tô lên, tạo nên khoảng trống, rồi dùng tay kéo chiếc túi vải ra, trong túi có số tiền 1.700.000 đồng và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy Grand Duo, không có pin, màu trắng, rồi nhanh chóng bỏ đi. Trên đường đi, Y L bỏ số tiền 1.700.000 đồng và chiếc điện thoại vào túi quần rồi vứt chiếc túi vải vào bụi cây ven đường. Khi đang đi trên đường, thì bị Công an xã E phát hiện, đưa về trụ sở Công an xã E làm việc. Tại đây, Y L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp các tài sản đã trộm cắp được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 06/KLĐG, ngày 20/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 48Kg trái cà phê tươi, trị giá: 240.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 51/KLĐG, ngày 06/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, Model: SM-G360H/DS, số IMEI: 359656/06/604418/7-359657/06/604418/5, màu trắng, không có pin, trị giá: 200.000 đồng.

Đối với 01 túi vải màu đỏ, kích thước (17x24)cm, được may khép kín hờ một đầu, được may khóa kéo màu cam, một góc túi vải được gắn sợi dây vải màu đen. Hội đồng định giá không xác định giá trị vì đã qua sử dụng và vật rẻ tiền mau hỏng.

Cáo trạng số 163/CT-VKSTP.BMT ngày 29/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân TP. B truy tố bị cáo Y L, về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên toà bị cáo Y L khai: Hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng. Khoảng 11 giờ ngày 07/11/2019, tại khu vực rẫy thuộc thôn 4, xã E, thành phố B bị cáo đã trộm cắp 48kg trái cà phê tươi của ông Lê Quang T, bán được 240.000đồng; Khoảng 16 giờ ngày 02/3/2020 tại khu vực rẫy thuộc thôn 4, xã E, thành phố B bị cáo đã trộm cắp 01 túi vải màu đỏ; 01 điện

thoại di động nhãn hiệu Samsung, không có pin; số tiền 1.710.000đ của chị Hà Thị T1.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng, phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Y L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận việc gia đình bị cáo Y L đã bồi thường cho ông Lê Quang T số tiền 240.000đ, ông T đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại: 01 túi vải màu đỏ, kích thước (17x24)cm, được may khếp kín hở một đầu, được may khóa kéo màu cam, một góc túi vải được gắn sợi dây vải màu đen; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, Model: SM-G360H/DS, số IMEI: 359656/06/604418/7-359657/06/604418/5, màu trắng, không có pin và số tiền 1.710.000 đồng cho chị Hà Thị T1 nhận sử dụng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 07/8/2018 bị cáo Y L bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 12 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 194/2018/HS-ST. Ngày 09/4/2019 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích. Vào khoảng 11 giờ ngày 07/11/2019 tại khu vực rẫy thuộc xã E, thành phố B bị cáo đã trộm cắp 48kg trái cà phê tươi, trị giá 240.000đ của ông Lê Quang T và

khoảng 16 giờ ngày 02/3/2020 tại khu vực rẫy thuộc thôn 4, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk bị cáo đã trộm cắp 01 túi vải màu đỏ; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, không có pin, trị giá 200.000đồng; số tiền 1.710.000đ của bà Hà Thị T1.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Viện kiểm sát nhân dân TP. B truy tố bị cáo Y L về tội “*Trộm cắp tài sản*”, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:

a)

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

.....”.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm bất hợp pháp đối với quyền sở hữu về tài sản của bị hại, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Bị cáo là người phát triển bình thường về trí lực, thể lực buộc phải nhận thức được việc làm của mình, biết tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ai xâm phạm bất hợp pháp đều bị pháp luật nghiêm trị, nhưng vì động cơ tham lam tư lợi, coi thường pháp luật nên vào khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 07/11/2019 bị cáo đã trộm cắp 48kg trái cà phê tươi trị giá 240.000đ của ông Lê Quang T; khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 02/3/2020 bị cáo đã trộm cắp 01 túi vải màu đỏ; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, không có pin, trị giá 200.000đồng và số tiền 1.710.000đ của bà Hà Thị T1. Vì vậy, bị cáo hoàn toàn phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình gây ra.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Ngày 18/3/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố B ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng, tại Quyết định số 70/2016/QĐ-TA. Ngày 29/7/2017 chấp hành xong.

Về tình tiết tăng nặng: Ngày 07/11/2019 bị cáo trộm cắp 48kg trái cà phê tươi trị giá 240.000đ của ông Lê Quang T; ngày 02/3/2020 bị cáo trộm cắp 01 túi vải

màu đỏ; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, không có pin, trị giá 200.000đ; số tiền 1.710.000đ của bà Hà Thị T1. Vì vậy, bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại; là người đồng bào dân tộc thiểu số, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã phân tích ở trên. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[6] Đối với Y U có hành vi cùng với bị cáo Y L trộm cắp 48kg cà phê tươi trị giá 240.000 đồng, Y U chưa có tiền án, tiền sự gì về hành vi chiếm đoạt tài sản, do định lượng tài sản chưa đủ, vì vậy hành vi của Y U không cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Công an thành phố B đã ra quyết định xử phạt hành chính, hình thức phạt tiền là phù hợp.

Đối với hành vi của bà Nguyễn Thị N đã mua 48kg cà phê tươi của bị cáo Y L, nhưng bà N không biết tài sản do trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử, là phù hợp.

Đối với chiếc xe Mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ đen, không rõ biển, là phương tiện mà Y U chở bị cáo Y L đi trộm cắp tài sản, chiếc xe này là tài sản của anh Y S, anh Y Smua lại của một người không rõ nhân thân lai lịch. Sau sự việc, gia đình anh Y S đã bán chiếc xe này cho một người không rõ nhân thân lai lịch và vào tháng 01/2020 anh Y S đã chết do bệnh lý, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử, là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Y L, Công an thành phố B đã ra quyết định xử phạt hành chính, hình thức phạt cảnh cáo là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586; 589 của Bộ luật dân sự.

Gia đình bị cáo Y L đã tự nguyện bồi thường cho ông Lê Quang T số tiền 240.000đ, ông T đã nhận đủ số tiền, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Đối với những tài sản của bà Hà Thị T1 bị mất đã nhận lại đầy đủ, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

Ông Lê Quang T và bà Hà Thị T1 không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trao trả: 01 túi vải màu đỏ, kích thước (17x24)cm, được may khếp kín hở một đầu, được may khóa kéo màu cam, một góc túi vải được gắn sợi dây vải màu đen; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, Model: SM-G360H/DS, số IMEI: 359656/06/604418/7-359657/06/604418/5, màu trắng, không có pin và số tiền 1.710.000 đồng cho bà Hà Thị T1 là chủ sở hữu.

Xét thấy việc trao trả trên là đúng, phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Y L phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Y L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Y L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/3/2020.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận việc gia đình bị cáo Y L với người bị hại ông Lê Quang T đã tự nguyện thỏa thuận và đã bồi thường cho ông Lê Quang T số tiền 240.000đ. Ông Lê Quang T không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bà Hà Thị T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì khác.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giao trả: 01 túi vải màu đỏ, kích thước (17x24)cm, được may khếp kín hở một đầu, được may khóa kéo màu cam, một góc túi vải được gắn sợi dây vải màu đen; 01 điện

thoại di động, nhãn hiệu Samsung, Model: SM-G360H/DS, số IMEI: 359656/06/604418/7-359657/06/604418/5, màu trắng, không có pin và số tiền 1.710.000đ cho bà Hà Thị T1 là chủ sở hữu.

- Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Y L phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; TANDTC;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT; tỉnh;
- CA TP. B;
- THAHS; CCTHADS TP. B;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Đại Minh